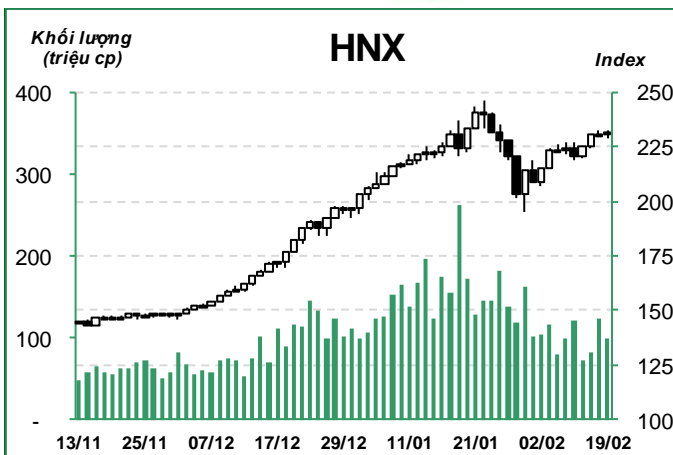
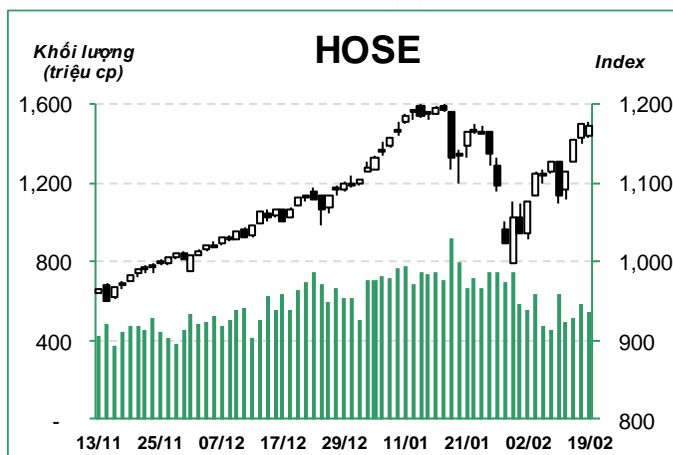


## Tổng quan thị trường

19/02/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,173.50</b>	<b>-0.07%</b>	<b>1,180.59</b>	<b>-0.62%</b>	<b>231.18</b>	<b>0.10%</b>
Cuối tuần trước	1,114.93	5.25%	1,129.49	4.52%	224.90	2.79%
Trung bình 20 ngày	1,116.12	5.14%	1,115.78	5.81%	224.22	3.10%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>578.28</b>	<b>-5.94%</b>	<b>175.72</b>	<b>-9.19%</b>	<b>101.85</b>	<b>-19.96%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>547.58</b>	<b>-6.40%</b>	<b>166.18</b>	<b>-9.31%</b>	<b>100.49</b>	<b>-19.45%</b>
Trung bình 20 ngày	615.14	-10.98%	208.79	-20.41%	119.35	-15.80%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>14,745.08</b>	<b>-2.55%</b>	<b>7,056.93</b>	<b>-10.52%</b>	<b>1,772.86</b>	<b>-20.44%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>13,527.85</b>	<b>-3.31%</b>	<b>6,425.00</b>	<b>-11.38%</b>	<b>1,724.37</b>	<b>-18.52%</b>
Trung bình 20 ngày	13,589.23	-0.45%	7,093.75	-9.43%	1,747.09	-1.30%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	203	41%	6	20%	99	28%
<b>Số mã giảm</b>	230	47%	22	73%	97	27%
<b>Số mã đứng giá</b>	57	12%	2	7%	159	45%



Sau chuỗi 3 phiên tăng nóng liên tiếp khi VN-Index vượt hơn 90 điểm, thị trường có nhịp điều chỉnh trở lại khi nhà đầu tư tranh thủ chốt lời các vị thế ngắn hạn. Mặc dù sắc đỏ hiện diện ở khá nhiều mã vốn hóa lớn, các chỉ số vẫn gần như đi ngang trong phần lớn diễn biến của phiên nhờ sự tích cực của nhóm ngành ngân hàng.

Trên sàn HoSE, VN-Index đóng cửa tại mức 1,173.50 điểm (-0.07%). KLGD khớp lệnh đạt 547.6 triệu cổ phiếu (-6.4%), tương đương 13,528 tỷ đồng giá trị (-3.3%). Độ rộng thị trường có sự cân bằng khi toàn sàn có 230 mã giảm/203 mã tăng.

Các cổ phiếu vốn hóa lớn có diễn biến tăng giảm trái chiều. Mặc dù vậy, nhóm ngân hàng vẫn giữ vai trò kéo thị trường với các cổ phiếu tăng điểm tốt như Ngân hàng Á Châu-ACB (+6.7%), BIDV-BID (+1.6%) hay MBBank-MBB (+2.5%). Trong khi đó, Vingroup-VIC (-0.9%), Vietcombank-VCB (-0.7%) gây áp lực chính cho chỉ số. Bên cạnh đó, các cổ phiếu thuộc nhóm dầu khí như PV Gas-GAS (-1.3%), Khoan Dầu khí PVDrilling-PVD (-3.2%), Vận tải Dầu khí PVTrans-PVT (-2.8%) cũng chịu sức ép bán tháo trong phiên hôm nay khi giá dầu thế giới quay đầu giảm trở lại.

Giao dịch khối ngoại trong phiên ngày thứ 6 không còn tích cực như những phiên trước khi đảo chiều bán ròng 12.8 tỷ đồng trên sàn HoSE. Với những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất là Vinhomes-VHM (+88.6 tỷ), Vietcombank-VCB (+75.3 tỷ) và chứng chỉ quỹ FUEVFNVD (+63.6 tỷ). Trong khi đó, khối này tập trung bán ròng các cổ phiếu như Vinamilk-VNM (-116.3 tỷ), Vietinbank-CTG (-96.3 tỷ) và Tập đoàn Hoa Sen-HSG (-54.5 tỷ).

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index đóng cửa tại mức 231.18 điểm (+0.10%). KLGD khớp lệnh đạt 100.5 triệu cổ phiếu (-19.5%), tương đương 1,724.4 tỷ đồng giá trị (-18.5%).

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
NVL	2,987.0	236.42
FPT	1,573.9	131.58
E1VFN30	5,400.0	106.80
FUEVFVND	4,200.0	83.15
DBD	1,421.0	70.25
PDR	878.7	57.06
TCB	1,050.0	43.68
VNM	386.2	41.60
SAB	184.0	35.28
HVN	1,165.0	32.62
<b>HNX</b>		
HHC	286.0	26.31
VNC	382.0	12.99
VC3	220.0	3.59
NTP	59.1	2.07
TIG	230.0	1.82
THS	181.0	1.30
LHC	5.0	0.40

Những cổ phiếu có ảnh hưởng tích cực nhất đến HNX-Index là Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.6%), Licogi 14-L14 (+9.0%) và Tập đoàn CEO-CEO (+4.7%). Trong khi đó, các cổ phiếu như Điện lực TKV-DTK (-7.2%), Dầu khí PTSC-PVS (-3.2%) và Bến xe ĐLGL-DL1 (-9.9%) dẫn đầu ở chiều giảm điểm.

Về giao dịch khối ngoại, khối này bán ròng 0.6 tỷ đồng (-97.9%). Trong đó, Hạ tầng Vĩnh Phúc-IDV (-2.9 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (-2.0 tỷ), Cotana-CSC (-1.7 tỷ) là những cổ phiếu bị khối ngoại bán ròng. Trái lại, Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+9.6 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+0.6 tỷ), Thống Nhất-BAX (+0.4 tỷ) được mua ròng chủ yếu.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm nhẹ. Khối lượng giao dịch suy giảm xuống dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý áp lực bán không quá mạnh. Không những vậy, xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là phục hồi, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5 cùng với MA 5 cắt lên MA20 cho tín hiệu xác nhận xu hướng phục hồi hiện tại, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính rung lắc kỹ thuật nhằm củng cố cho xu hướng chính bền vững hơn. Thêm vào đó, đường MACD hướng lên và duy trì trên Signal cho tín hiệu mua, cho thấy chỉ số có thể sớm tăng điểm trở lại và hướng lên thử thách ngưỡng đỉnh lịch sử 1.200 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tích cực hơn. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA20, cùng với đường +DI cắt lên trên -DI, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn, chỉ số có thể hướng lên thử thách lại vùng đỉnh cũ quanh 245 điểm. Nhìn chung, thị trường vẫn giữ được xu hướng phục hồi, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính rung lắc kỹ thuật. Do đó, nhà đầu tư có thể cân nhắc tận dụng các phiên rung lắc để gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và hút được dòng tiền mạnh.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
RIC	25.3	184.2	7.0%
SFI	39.9	95.9	7.0%
LGC	79.9	0.4	7.0%
SJS	42.5	302.5	6.9%
QCG	8.2	548.7	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PIT	5.5	0.7	-6.9%
TPC	10.2	4.1	-6.8%
NAV	20.5	0.1	-6.4%
HU1	8.3	0.1	-6.3%
NHH	77.5	407.2	-5.9%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	31.1	956.9	6.7%
MBB	26.9	804.5	2.5%
HPG	43.5	769.7	-0.9%
TCB	38.7	538.2	-0.5%
CTG	37.0	454.3	0.5%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	31.1	31,236.2	6.7%
MBB	26.9	30,124.4	2.5%
STB	18.7	22,590.9	0.5%
PVD	22.7	19,485.3	-3.2%
HPG	43.5	17,666.5	-0.9%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VHE	5.5	536.5	10.0%
KTS	15.4	17.8	10.0%
L43	3.3	45.7	10.0%
VNT	79.5	5.2	10.0%
CSC	28.2	166.4	9.7%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PSI	6.4	0.5	-9.9%
DL1	18.3	0.1	-9.9%
TMC	11.0	22.0	-9.8%
VC2	10.2	8.1	-9.7%
PVL	2.0	838.8	-9.1%

#### Top 5 giá trị

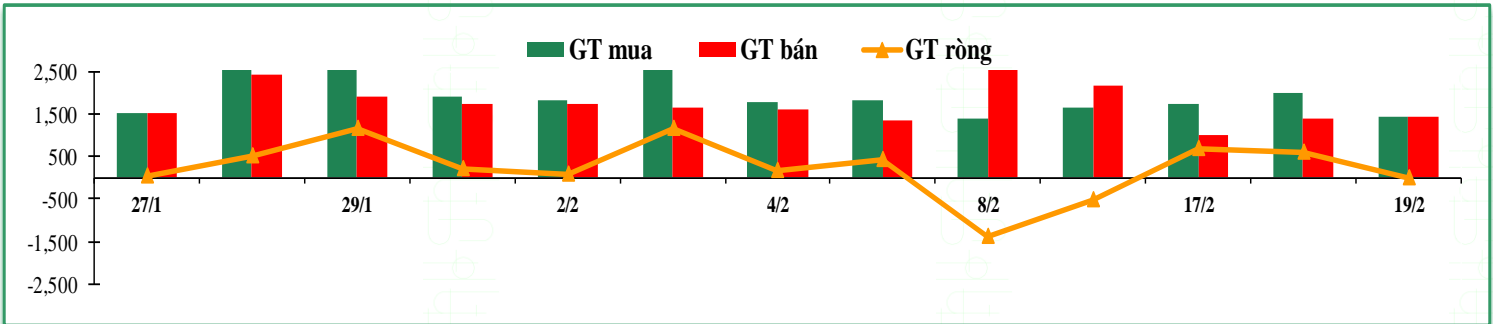
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	15.9	343.8	0.6%
PVS	21.1	318.4	-3.2%
IDC	41.8	284.3	0.0%
SHS	25.7	125.4	-0.4%
NVB	13.7	82.7	0.0%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	15.9	21,635.4	0.6%
PVS	21.1	14,955.2	-3.2%
IDC	41.8	6,880.5	0.0%
NVB	13.7	6,030.6	0.0%
CEO	11.2	5,262.8	4.7%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,430.5	9.7%	1,443.3	9.8%	-12.8
HNX	13.8	0.8%	14.4	0.8%	-0.6
<b>Tổng số</b>	<b>1,444.2</b>		<b>1,457.7</b>		<b>-13.5</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
FPT	76.6	121.2	-2.0%
VCB	101.3	118.0	-0.7%
VIC	109.0	109.5	-0.9%
E1VFN30	19.9	105.8	0.5%
VHM	103.1	103.4	-0.1%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	108.0	216.1	-0.9%
FPT	76.6	122.0	-2.0%
E1VFN30	19.9	112.2	0.5%
CTG	37.0	101.1	0.5%
VIC	109.0	72.1	-0.9%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	103.1	88.6	-0.1%
VCB	101.3	75.3	-0.7%
FUEVFN30	19.8	63.6	-0.8%
MSN	94.9	50.0	-0.2%
MBB	26.9	45.5	2.5%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NVB	13.7	9.6	0.0%
SHS	25.7	1.8	-0.4%
BAX	77.4	0.4	-0.6%
L14	73.0	0.3	9.0%
PVS	21.1	0.2	-3.2%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
IDV	57.9	3.1	0.9%
PVS	21.1	2.2	-3.2%
CSC	28.2	1.7	9.7%
BVS	20.2	1.7	-1.5%
SHS	25.7	1.1	-0.4%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NVB	13.7	9.6	0.0%
SHS	25.7	0.6	-0.4%
BAX	77.4	0.4	-0.6%
L14	73.0	0.2	9.0%
PMC	63.6	0.1	0.2%

## Tin trong nước

### **HPG: PENM III muốn bán nốt, Dragon Capital đã bán 7,3 triệu cổ phiếu**

Quỹ PENM III Germany GmbH & Co. KG đăng ký bán toàn bộ 7,1 triệu cổ phiếu HPG của Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) qua phương thức khớp lệnh và/hoặc thoả thuận, từ ngày 23/2 đến 22/3. Tạm tính theo giá kết phiên ngày 18/2 là 43.850 đồng/cp, PENM III có thể thu về 311,3 tỷ đồng.

Quỹ ngoại này từng nắm giữ 76,5 triệu cổ phiếu HPG, tương đương 2,3% vốn từ tháng 11/2020. Tuy nhiên, sau 2 đợt bán với tổng khối lượng 69,4 triệu đơn vị, PENM III giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 0,2% vốn như hiện tại. Tạm tính PENM III đã thu về khoảng 2.578 - 3.067 tỷ đồng.

Một quỹ ngoại khác là Dragon Capital đã bán 7,3 triệu cổ phiếu HPG, giảm lượng nắm giữ còn 195,1 triệu đơn vị, tương đương 5,9% vốn. Tính theo giá kết phiên ngày 9/2 là 41.800 đồng/cp, Dragon Capital thu về khoảng 305 tỷ đồng.

Ngày 4/1, Vietnam Enterprise Investments Limited (VEIL) – quỹ thành viên thuộc Dragon Capital đã thực hiện bán 500.000 cổ phiếu. Sang ngày 5/1, chính VEIL lại mua vào 1 triệu cổ phiếu HPG dẫn đến tổng sở hữu cả nhóm quỹ lên 6,02% vốn.

Trong năm 2020, Hòa Phát đã tiêu thụ 5,8 triệu tấn thép thô, gấp đôi năm 2019. Trong đó, sản lượng phi thép và thép xây dựng thành phẩm là 5,1 triệu tấn, còn lại là thép cuộn cán nóng với gần 700.000 tấn. Riêng thép xây dựng thành phẩm đạt 3,4 triệu tấn, tăng 22,5% so với cùng kỳ năm trước.

Tập đoàn sản xuất thép này ghi nhận doanh thu 91.279 tỷ đồng, tăng 41% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu về 13.506 tỷ đồng, tăng 80% và vượt hơn 50% kế hoạch năm.

Trong tháng 1/2021, sản lượng sản xuất thép thô đạt mức kỷ lục hơn 670.000 tấn, tăng 67% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó thép xây dựng thành phẩm ghi nhận sản lượng bán hàng đạt 186.000 tấn, chỉ tăng 6% so với cùng kỳ dù không phải tháng Tết như năm ngoái.

Nguồn:NDH

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **PGN chốt quyền chia cổ tức 2019 tỷ lệ 12%**

Công ty Phụ Gia Nhựa (HNX: PGN) chốt ngày 26/2 ngày đăng ký cuối cùng trả cổ tức năm 2019 tổng tỷ lệ 12%. Trong đó, cổ tức tiền mặt là 6%, 1 cổ phiếu được nhận 600 đồng, ngày thanh toán 15/3.

Đồng thời, doanh nghiệp dự kiến phát hành 198.000 cổ phiếu để trả cổ tức tỷ lệ 6%.

Năm 2019, Phụ Gia Nhựa ghi nhận 111 tỷ đồng doanh thu và 5,1 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, lần lượt vượt 1% và 72% kế hoạch năm. Theo đó, doanh nghiệp chốt chia cổ tức năm 2019 tỷ lệ 12% tăng thêm 5% so với kế hoạch đề ra.

Năm 2020, đơn vị tăng chỉ tiêu doanh thu lên 150 tỷ đồng, lợi nhuận lên 6,4 tỷ đồng và cổ tức lên 15%.

Theo BCTC quý IV/2020, cả năm doanh nghiệp đạt 161 tỷ đồng doanh thu, vượt 7% kế hoạch; lãi sau thuế 9,4 tỷ đồng, vượt 47% kế hoạch năm.

Tính đến cuối năm, doanh nghiệp có 9,8 tỷ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và 1,3 tỷ quỹ đầu tư phát triển trên vốn điều lệ 33 tỷ đồng.

### **May TNG lãi hơn 12 tỷ tháng 1**

Công ty Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG) công bố BCTC tháng 1 với doanh thu 318 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn tăng cao hơn nên lãi gộp giảm 14% xuống 43,8 tỷ đồng. Biên lãi gộp giảm mạnh từ 19,7% về 13,8%.

Doanh nghiệp giảm mạnh chi phí bán hàng từ 10,3 tỷ xuống 6 tỷ đồng, chi phí quản lý cũng giảm từ 17,3 tỷ về 14,6 tỷ đồng. Nhờ đó, lợi nhuận sau thuế đạt 12,4 tỷ đồng, tương đương cùng kỳ năm trước. Lưu ý là tháng 1 năm trước có kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán dài ngày trong khi năm nay rơi vào tháng 2.

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 tại châu Âu – thị trường chính, khách hàng yêu cầu giảm giá đã khiến doanh thu và lợi nhuận may TNG giảm so với năm 2019. Cụ thể, doanh thu đạt 4.484 tỷ đồng, giảm 3%; lãi sau thuế 152 tỷ đồng, giảm 34%. Doanh nghiệp chỉ thực hiện được 97% kế hoạch doanh thu và 66% kế hoạch lợi nhuận năm.

### **5 quý liên tiếp giảm nợ xấu của VPBank**

Cuối quý IV/2020, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) công bố tỷ lệ nợ xấu thấp kỷ lục, xuống mức 1,98%. Đây cũng là quý thứ 5 liên tiếp kể từ quý III/2019 chứng kiến tỷ lệ nợ xấu của VPBank giảm.

Đáng chú ý, tỷ lệ nợ xấu liên tục giảm trong bối cảnh dư nợ cho vay của VPBank vẫn tăng trưởng mạnh mẽ. Dư nợ cấp tín dụng tại ngân hàng riêng lẻ trong năm 2020 gần 257 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 21,8% so với năm 2019, tổng thu nhập hoạt động cũng tăng trưởng 18,6%, đạt 20,7 nghìn tỷ đồng.

Nguồn:NDH

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PTB	Nắm giữ	05/02/21	72.4	66	9.7%	82.9	25.6%	64.2	-2.7%	Cổ phiếu vượt đỉnh

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	HCM	Quan sát mua	22/02/21	29.05	32   34	Tín hiệu tích lũy quanh các đường MA tích cực với nền, vol nhỏ dần -> khả năng sớm có phiên break, vượt MA50 trở lại
2	ACV	Quan sát mua	22/02/21	72.6	77.5-79	Nhịp test đáy tích cực với nền nhỏ + MACD khả năng cắt lên Signal -> khả năng sớm có nhịp tăng trở lại
3	NKG	Quan sát mua	22/02/21	16.2	18   20	Tín hiệu thoát nền tích lũy quanh MA50 với nền tăng tốt kèm vol cao trở lại -> khả năng quay lại xu hướng tăng trung hạn
4	SCR	Quan sát mua	22/02/21	8.51	9.9-10	Tín hiệu cải thiện gần đây khi cắt lên lại MA50 kèm vol tăng nhẹ + MACD cắt lên lại Signal -> khả năng sớm có phiên break trendline

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	CTG	Mua	01/02/21	37	30.5	21.3%	40	31.1%	28.5	-7%	
2	PDR	Nắm giữ	03/02/21	64.9	55.8	16.3%	75	34.4%	53.6	-4%	
3	BMP	Mua	04/02/21	64	60	6.7%	64.5	8%	57.1	-5%	
4	PTB	Nắm giữ	05/02/21	72.4	66	9.7%	82.9	26%	64.2	-3%	Nâng giá mục tiêu lên 82.9 ngàn

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

5	HPG	Mua	08/02/21	43.45	42.5	2.2%	50	18%	40.4	-5%
6	MWG	Mua	17/02/21	137.6	129.5	6.3%	146	13%	121.5	-6%
7	STB	Mua	18/02/21	18.7	18.75	-0.3%	21.1	13%	17.5	-7%

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 19/02/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CEIB2001	1,000	1,420	4.4 %	42%	6,810	45	18,500	12	(1,408)	KIS	EIB	18,818	10.0	05/04/2021
CFPT2010	7,900	24,000	-4.0 %	204%	680	39	76,600	24,719	719	HCM	FPT	52,000	1.0	30/03/2021
CFPT2011	1,700	5,750	-5.0 %	238%	14,710	41	76,600	5,743	(7)	HCM	FPT	48,000	5.0	01/04/2021
CFPT2012	1,500	5,300	-3.5 %	253%	20,850	74	76,600	5,164	(136)	HCM	FPT	51,000	5.0	04/05/2021
CFPT2013	3,800	12,450	-6.2 %	228%	1,200	48	76,600	12,373	(77)	BSI	FPT	52,000	2.0	08/04/2021
CFPT2014	2,000	11,350	-1.3 %	468%	30	49	76,600	10,879	(471)	VCI	FPT	55,000	2.0	09/04/2021
CFPT2015	2,070	5,450	-2.7 %	163%	6,110	31	76,600	5,338	(112)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/03/2021
CFPT2016	2,580	5,900	-1.7 %	129%	33,860	123	76,600	5,392	(508)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2017	2,340	5,800	-3.0 %	148%	9,430	66	76,600	5,503	(297)	MBS	FPT	54,800	4.0	26/04/2021
CHDB2007	2,701	3,000	2.0 %	11%	50,190	67	25,550	23	(2,977)	KIS	HDB	27,772	3.0	27/04/2021
CHDB2008	2,702	2,190	4.3 %	-19%	6,250	74	25,550	179	(2,011)	KIS	HDB	25,888	3.2	04/05/2021
CHDB2101	1,000	1,970	2.6 %	97%	17,310	215	25,550	141	(1,829)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2010	1,800	5,190	0 %	188%	23,260	45	43,450	3,163	(2,027)	KIS	HPG	33,100	3.3	05/04/2021
CHPG2014	7,200	26,890	-1.9 %	273%	1,830	59	43,450	27,306	416	SSI	HPG	21,680	0.8	19/04/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CHPG2015	6,700	26,800	0.3 %	300%	1,560	10	43,450	27,228	428	SSI	HPG	21,680	0.8	01/03/2021
CHPG2018	1,200	3,900	-3.5 %	225%	52,870	84	43,450	3,400	(500)	KIS	HPG	29,999	4.0	14/05/2021
CHPG2020	5,700	18,700	-0.5 %	228%	800	131	43,450	17,650	(1,050)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2021	2,400	10,000	3.6 %	317%	640	41	43,450	9,255	(745)	HCM	HPG	25,000	2.0	01/04/2021
CHPG2022	2,100	8,990	0 %	328%	1,310	74	43,450	8,284	(706)	HCM	HPG	27,000	2.0	04/05/2021
CHPG2024	2,200	8,000	-2.4 %	264%	6,320	48	43,450	8,014	14	BSI	HPG	27,500	2.0	08/04/2021
CHPG2025	2,000	10,950	2.6 %	448%	350	49	43,450	9,548	(1,402)	VCI	HPG	34,000	1.0	09/04/2021
CHPG2026	3,350	5,000	-2.0 %	49%	4,120	80	43,450	3,564	(1,436)	MBS	HPG	36,500	2.0	10/05/2021
CHPG2101	1,050	4,000	-3.4 %	281%	2,250	215	43,450	565	(3,435)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	6,600	9,600	0 %	45%	16,810	136	43,450	3,749	(5,851)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	3,900	4,600	-7.1 %	18%	90,900	137	43,450	1,562	(3,038)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CKDH2001	1,400	2,300	0 %	64%	12,660	84	33,900	1,952	(348)	KIS	KDH	26,222	4.0	14/05/2021
CKDH2002	1,600	2,600	1.2 %	63%	43,170	178	33,900	1,722	(878)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2004	2,180	4,000	0 %	83%	10,010	49	33,900	3,738	(262)	MBS	KDH	26,500	2.0	09/04/2021
CKDH2101	1,000	2,080	-1.4 %	108%	14,550	215	33,900	485	(1,595)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CMBB2008	3,400	10,700	8.1 %	215%	6,200	39	26,850	7,662	(3,038)	VND	MBB	20,000	0.9	30/03/2021
CMBB2009	1,700	6,060	6.3 %	256%	45,170	41	26,850	4,645	(1,415)	HCM	MBB	19,000	1.7	01/04/2021
CMBB2010	4,600	11,550	8.4 %	151%	33,330	115	26,850	10,958	(592)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2011	3,800	11,040	9.3 %	191%	8,440	21	26,850	10,870	(170)	SSI	MBB	16,000	1.0	12/03/2021
CMBB2101	1,600	3,460	6.1 %	116%	72,630	137	26,850	878	(2,582)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMSN2007	1,400	4,200	-4.6 %	200%	3,680	67	94,900	3,864	(336)	KIS	MSN	56,868	9.9	27/04/2021
CMSN2009	1,200	4,200	2.4 %	250%	2,180	84	94,900	3,354	(846)	KIS	MSN	61,999	9.9	14/05/2021
CMSN2010	4,800	19,500	-8.5 %	306%	2,220	39	94,900	20,013	513	VND	MSN	55,000	2.0	30/03/2021
CMSN2011	4,801	9,100	1.1 %	90%	2,520	41	94,900	8,781	(319)	HCM	MSN	52,000	4.9	01/04/2021
CMSN2012	4,802	17,500	0 %	264%	-	49	94,900	15,044	(2,456)	VCI	MSN	65,000	2.0	09/04/2021
CMSN2013	4,803	1,950	14.7 %	-59%	14,640	10	94,900	1,623	(327)	MBS	MSN	87,000	4.9	01/03/2021
CMSN2014	4,804	900	-16.7 %	-81%	4,230	11	94,900	715	(185)	KIS	MSN	87,878	9.9	02/03/2021
CMSN2101	1,050	2,160	-1.8 %	106%	5,890	215	94,900	277	(1,883)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMSN2102	1,000	2,180	-1.8 %	118%	7,590	215	94,900	123	(2,057)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMWG2013	12,000	23,450	-0.2 %	95%	210	131	137,600	21,171	(2,279)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2015	1,900	4,080	-0.5 %	115%	46,220	80	137,600	3,807	(273)	HCM	MWG	100,000	10.0	10/05/2021
CMWG2016	1,700	3,520	0.3 %	107%	13,130	111	137,600	3,033	(487)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2017	2,410	3,980	0.8 %	65%	9,350	66	137,600	3,752	(228)	MBS	MWG	108,000	8.0	26/04/2021
CMWG2101	2,400	3,320	0 %	38%	17,460	137	137,600	2,218	(1,102)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CNVL2002	2,000	4,310	-1.6 %	116%	3,000	19	80,300	4,316	6	KIS	NVL	59,220	4.9	10/03/2021
CNVL2003	1,000	2,330	0.4 %	133%	66,770	112	80,300	1,691	(639)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	2,100	0 %	110%	4,930	215	80,300	317	(1,783)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CPNJ2009	1,400	3,740	-1.6 %	167%	25,210	41	86,900	3,676	(64)	HCM	PNJ	58,000	7.9	01/04/2021
CPNJ2101	1,700	2,000	-2.9 %	18%	119,420	137	86,900	1,044	(956)	VND	PNJ	78,000	10.0	06/07/2021
CREE2006	1,500	4,360	-3.1 %	191%	8,660	80	58,600	9	(4,351)	HCM	REE	66,002	4.0	10/05/2021
CREE2101	2,300	3,770	-5.8 %	64%	12,640	137	58,600	2,756	(1,014)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2007	1,700	3,840	-5.4 %	126%	34,730	67	22,850	3,639	(201)	KIS	SBT	15,999	1.9	27/04/2021
CSBT2101	1,100	1,940	-2.5 %	76%	8,030	215	22,850	239	(1,701)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2006	1,500	3,250	1.9 %	117%	4,480	45	18,700	2,922	(328)	KIS	STB	12,890	2.0	05/04/2021
CSTB2007	1,500	4,000	0.5 %	167%	48,590	97	18,700	3,882	(118)	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	1,100	3,610	1.7 %	228%	14,960	112	18,700	3,390	(220)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2011	2,700	4,400	3.0 %	63%	27,300	39	18,700	4,233	(167)	VND	STB	14,500	1.0	30/03/2021
CSTB2012	2,500	5,850	0.5 %	134%	20,160	41	18,700	5,731	(119)	HCM	STB	13,000	1.0	01/04/2021
CSTB2013	3,200	6,840	2.1 %	114%	36,570	21	18,700	6,715	(125)	SSI	STB	12,000	1.0	12/03/2021
CSTB2014	3,800	7,230	2.7 %	90%	27,930	115	18,700	6,781	(449)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2015	1,200	2,400	2.1 %	100%	56,050	11	18,700	2,365	(35)	KIS	STB	13,979	2.0	02/03/2021
CSTB2016	1,200	2,700	3.9 %	125%	18,480	74	18,700	2,310	(390)	KIS	STB	14,141	2.0	04/05/2021
CSTB2017	2,680	4,390	7.1 %	64%	4,000	66	18,700	3,459	(931)	MBS	STB	15,300	1.0	26/04/2021
CSTB2101	1,000	2,530	7.7 %	153%	15,770	215	18,700	285	(2,245)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CTCB2009	4,400	16,230	1.4 %	269%	8,510	39	38,700	16,750	520	VND	TCB	22,000	1.0	30/03/2021
CTCB2010	2,000	8,650	0.8 %	333%	16,990	41	38,700	8,626	(24)	HCM	TCB	21,500	2.0	01/04/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTCB2012	5,400	17,700	1.1 %	228%	6,760	161	38,700	16,907	(793)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2013	4,700	16,010	0.1 %	241%	11,730	74	38,700	15,800	(210)	SSI	TCB	23,000	1.0	04/05/2021
CTCB2101	5,000	11,100	0.9 %	122%	4,230	228	38,700	8,515	(2,585)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	5,000	19.9 %	117%	113,730	137	38,700	1,827	(3,173)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCH2001	1,400	1,890	-3.1 %	35%	36,070	84	23,300	302	(1,588)	KIS	TCH	22,888	3.9	14/05/2021
CTCH2003	1,600	2,220	-0.5 %	39%	28,790	178	23,300	441	(1,779)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,650	-1.9 %	165%	2,640	215	23,300	482	(2,168)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CVHM2006	1,000	1,390	0.7 %	39%	12,500	67	103,100	927	(463)	KIS	VHM	84,888	20.0	27/04/2021
CVHM2008	1,400	2,430	0 %	74%	28,210	112	103,100	1,498	(932)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2009	1,400	3,310	-1.5 %	136%	17,160	41	103,100	3,127	(183)	HCM	VHM	72,000	10.0	01/04/2021
CVHM2010	1,300	3,310	0.3 %	155%	14,840	74	103,100	2,693	(617)	HCM	VHM	76,500	10.0	04/05/2021
CVHM2101	1,100	2,400	-1.2 %	118%	3,620	215	103,100	398	(2,002)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	2,300	2,690	5.9 %	17%	109,240	137	103,100	6,739	4,049	VND	VHM	36,000	10.0	06/07/2021
CVIC2004	1,000	1,300	0 %	30%	10,680	67	109,000	474	(826)	KIS	VIC	99,999	20.0	27/04/2021
CVIC2005	1,500	1,930	0 %	29%	11,100	112	109,000	522	(1,408)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2006	1,700	2,500	-0.8 %	47%	36,950	41	109,000	2,221	(279)	HCM	VIC	87,000	10.0	01/04/2021
CVIC2007	1,000	290	-21.6 %	-71%	72,780	11	109,000	0	(290)	KIS	VIC	111,222	20.0	02/03/2021
CVIC2101	1,000	2,000	-4.8 %	100%	5,080	215	109,000	104	(1,896)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVJC2004	1,200	1,220	6.1 %	2%	8,810	67	131,800	837	(383)	KIS	VJC	115,511	20.0	27/04/2021
CVJC2006	1,000	1,470	-0.7 %	47%	8,550	112	131,800	1,072	(398)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2007	2,400	970	-10.2 %	-60%	8,790	19	108,000	1	(969)	KIS	VNM	111,430	8.0	10/03/2021
CVNM2011	1,100	1,580	-1.3 %	44%	31,670	112	108,000	1	(1,579)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2012	7,700	5,000	-2.0 %	-35%	8,920	39	108,000	264	(4,736)	VND	VNM	110,000	2.0	30/03/2021
CVNM2013	1,900	1,890	-5.0 %	-1%	6,890	41	108,000	441	(1,449)	HCM	VNM	104,000	9.9	01/04/2021
CVNM2014	2,000	1,640	-3.5 %	-18%	3,800	49	108,000	0	(1,640)	VCI	VNM	140,000	5.0	09/04/2021
CVNM2015	1,750	1,050	-11.0 %	-40%	12,380	10	108,000	511	(539)	MBS	VNM	103,000	9.9	01/03/2021
CVNM2016	1,000	580	-15.9 %	-42%	17,480	11	108,000	0	(580)	KIS	VNM	113,388	19.8	02/03/2021
CVNM2101	1,100	2,200	-0.5 %	100%	1,750	215	108,000	80	(2,120)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVNM2102	1,700	2,270	-8.5 %	34%	53,200	137	108,000	420	(1,850)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVPB2010	4,700	15,900	-3.1 %	238%	750	39	40,600	16,655	755	VND	VPB	24,000	1.0	30/03/2021
CVPB2011	1,900	8,450	-1.5 %	345%	8,700	74	40,600	8,352	(98)	HCM	VPB	24,000	2.0	04/05/2021
CVPB2012	2,000	8,950	-1.1 %	348%	7,790	41	40,600	8,828	(122)	HCM	VPB	23,000	2.0	01/04/2021
CVPB2013	2,000	13,000	-6.3 %	550%	1,340	49	40,600	13,678	678	VCI	VPB	27,000	1.0	09/04/2021
CVPB2015	5,600	16,000	0.2 %	186%	7,350	161	40,600	14,849	(1,151)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2016	4,800	14,170	-0.4 %	195%	26,200	74	40,600	13,717	(453)	SSI	VPB	27,000	1.0	04/05/2021
CVPB2017	1,000	2,320	-6.5 %	132%	710	45	40,600	968	(1,352)	VPB	VPB	30,999	10.0	05/04/2021
CVPB2101	2,900	4,680	-3.7 %	61%	64,990	137	40,600	2,306	(2,374)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVRE2007	1,520	1,170	-4.9 %	-23%	27,050	45	34,500	282	(888)	KIS	VRE	33,330	5.0	05/04/2021
CVRE2009	1,400	1,480	-3.3 %	6%	41,790	97	34,500	768	(712)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	1,500	1,800	-1.1 %	20%	33,810	112	34,500	811	(989)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2012	1,300	2,340	-1.3 %	80%	16,480	41	34,500	2,016	(324)	HCM	VRE	26,500	4.0	01/04/2021
CVRE2013	5,000	8,850	-0.6 %	77%	46,310	161	34,500	7,385	(1,465)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2014	4,600	7,800	-0.5 %	70%	40,950	74	34,500	7,120	(680)	SSI	VRE	27,500	1.0	04/05/2021
CVRE2015	2,270	3,900	0 %	72%	5,580	66	34,500	3,553	(347)	MBS	VRE	27,500	2.0	26/04/2021
CVRE2101	1,200	2,350	-2.9 %	96%	10,330	215	34,500	749	(1,601)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	2,580	-10.7 %	43%	180,030	137	34,500	1,252	(1,328)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021E (tỷ)	EPS 2021E	BV 2021E	ROE 2021E	ROA 2021E	PE 2021E	PB 2021E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">TNG</a> (New)	HOSE	22,300	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5.2%	8.9	1.5	-
<a href="#">DGW</a> (New)	HOSE	91,900	103,700	08/02/2021	425	9,881	35,452	28%	11.1%	10.5	2.9	20%
<a href="#">GIL</a> (New)	HOSE	60,800	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	9.8%	6.2	1.3	-
<a href="#">BSR</a> (New)	Upcom	12,100	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2.1%	29.9	1.2	0%
<a href="#">PNJ</a> (New)	HOSE	86,900	89,000	04/02/2021	1,097	4,869	23,033	21%	12.6%	18.5	3.9	18%
<a href="#">GTN</a>	HOSE	25,000	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	7.6%	58.4	2.3	0%
<a href="#">IMP</a>	HOSE	63,900	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10.0%	18.9	2.3	20%
<a href="#">FRT</a>	HOSE	29,150	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	0.6%	62.0	1.4	10%
<a href="#">VCB</a>	HOSE	101,300	113,000	19/01/2021	18,436	4,971	31,498	17%	1.4%	22.7	3.6	0%
<a href="#">ACB</a>	HOSE	31,100	32,300	19/01/2021	8,912	4,123	20,313	23%	1.9%	7.8	3.6	0%
<a href="#">TCB</a>	HOSE	38,700	26,700	19/01/2021	15,022	4,292	25,693	18%	3.5%	6.5	1.1	0%
<a href="#">VHM</a>	HOSE	103,100	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	11.8%	9.8	2.4	-
<a href="#">VRE</a>	HOSE	34,500	39,400	19/01/2021	3,130	1,419	12,382	10%	7.4%	27.8	3.2	-
<a href="#">KDH</a>	HOSE	33,900	29,400	19/01/2021	1,763	3,182	17,973	19%	8.3%	8.5	1.5	-
<a href="#">MWG</a>	HOSE	137,600	140,600	19/01/2021	4,546	10,036	41,716	24%	9.1%	13.6	3.3	15%
<a href="#">VNM</a>	HOSE	108,000	136,000	19/01/2021	12,272	5,871	9,954	39%	22.3%	23.1	13.6	50%
<a href="#">MSN</a>	HOSE	94,900	82,600	19/01/2021	2,654	2,271	23,866	11%	2.3%	40.1	3.0	45%
<a href="#">SAB</a>	HOSE	191,700	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17.3%	26.6	5.1	35%
<a href="#">FMC</a>	HOSE	32,600	42,200	19/01/2021	216	4,399	1,993	22%	12.6%	8.0	1.8	-
<a href="#">MPC</a>	Upcom	36,500	30,000	19/01/2021	536	2,678	19,586	9%	5.7%	11.2	1.0	-
<a href="#">ANV</a>	HOSE	20,950	26,900	19/01/2021	427	3,350	21,020	17%	9.3%	6.6	1.1	-
<a href="#">STK</a>	HOSE	27,500	25,600	19/01/2021	127	1,790	15,714	11%	5.9%	13.1	1.5	-
<a href="#">TCM</a>	HOSE	77,700	46,500	19/01/2021	242	3,892	27,539	15%	7.6%	12.0	1.7	-
<a href="#">LHG</a>	HOSE	34,000	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	5.6%	8.1	1.0	-
<a href="#">KBC</a>	HOSE	41,600	22,600	19/01/2021	920	1,958	21,688	9%	5.5%	10.4	0.9	-
<a href="#">PHR</a>	HOSE	61,500	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	15.7%	6.6	2.1	30%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

<a href="#">ACV</a>	Upcom	72,600	86,000	19/01/2021	6,598	3,031	20,582	18%	11.3%	28.4	4.2	6%
<a href="#">GAS</a>	HOSE	88,900	92,500	19/01/2021	12,275	6,182	29,586	26%	19.9%	11.8	2.5	30%
<a href="#">PVS</a>	HNX	21,100	16,100	19/01/2021	928	1,843	27,820	7%	3.4%	8.7	0.6	5%
<a href="#">PLX</a>	HOSE	56,200	56,200	19/01/2021	3,917	2,905	21,808	17%	6.8%	19.3	2.6	30%
<a href="#">FPT</a>	HOSE	76,600	64,100	19/01/2021	4,906	5,339	26,048	27%	13.0%	10.9	2.2	20%
<a href="#">CTR</a>	Upcom	89,000	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6.4%	21.1	4.6	10%
<a href="#">REE</a>	HOSE	58,600	54,000	19/01/2021	1,529	4,608	42,470	12%	7.4%	10.2	1.2	16%
<a href="#">POW</a>	HOSE	13,050	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5.2%	13.9	1.0	3%
<a href="#">GEG</a>	HOSE	17,800	19,000	19/01/2021	383	1,184	13,017	14%	5.3%	16.1	1.5	-
<a href="#">HPG</a>	HOSE	43,450	46,700	19/01/2021	13,449	4,032	20,345	20%	11.2%	11.6	2.3	5%
<a href="#">BMP</a>	HOSE	64,000	65,900	19/01/2021	542	6,622	32,553	20%	17.5%	10.0	2.0	40%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

## **Đảm bảo phân tích**

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.